



**Biếm Văn**

# **NÓI LÁO**

*Tiểu Tử*

**A**i cũng biết “Nói Láo” là gì, mặc dầu trong quá trình học nói chẳng có thầy nào hay sách vở nào dạy “Nói Láo”. Vậy mà sao con người biết nói láo? Nhỏ nói láo theo nhỏ, nghĩa là có phần vô tư. Lớn nói láo theo lớn, nghĩa là có suy nghĩ. Còn già thì tới lúc nào đó có **nói láo cũng không biết mình nói láo!**

Hồi nhỏ, nói láo mà bị người lớn bắt được là bị xáng một bạt tay với câu: “Ai dạy mày nói láo, hả?” Rồi... thôi! Cái bạt tay của người lớn không dạy mình đừng nói láo, mà nó làm cho mình sợ cái bạt tay đau điếng, nên vội vã giấu cái “Nói Láo” trong lưng để lần sau, trong một trường hợp nào khác, nếu thấy cần thì lại... móc ra xài! Cho nên, cái “Nói Láo” nó cứ đeo theo mình cho tới khi mình lớn. Đến đây thì cái trí khôn của con người đã biết sử dụng cái “Nói Láo” một cách tự do, nhuần nhuyễn, có khi tài tình nữa! Kéo tới tuổi già khủ thì nói láo hay nói thiệt gì cũng giống nhau tuốt, cho nên khi bị hỏi “Sao ông nội nói láo?” thì trả lời như không trả lời “Vậ hả?” tỉnh bơ...

Ở các xứ tự do, người ta... tự do nói láo, miễn là đừng đụng vào quyền lợi của cá nhân, hay công ty, hay hội đoàn gì. Bởi vì “người nói láo” có thể... vác chiếu ra toà vì tội phi

báng. Chỉ có như vậy thôi. Thành ra chỉ cần để ý một chút để  
đừng... sa chân vào vòng pháp luật là người dân xứ tự do nói  
láo... thoải mái! Nhìn coi: chồng nói láo vợ (Lạ lắm! Sao đàn  
ông nói láo nhiều hơn đàn bà?), con nói láo cha mẹ (Cũng  
có cha mẹ nói láo với con, nhưng ít lắm, có lẽ vì phải làm  
giương...), người bán hàng nói láo với khách hàng để “ca” một  
món hàng dỏm: “Bảo đảm với cô Hai, đồ này mới tới bằng  
máy bay hồi khuya, phắc tuya còn nóng hổi hà!” v.v... Thôi  
thì “nói láo” thiên hình vạn trạng, kể không hết!

Ở các xứ cộng sản, “Nói Láo” đã được các lãnh  
tụ - vốn là những... “siêu nhân” - kết thành bài  
bản mà cha nào cũng thuộc lòng như... cháo.

Cho nên họ nói láo trơn tru - phải nói là rất...  
nghề! Hãy nghe câu “châm ngôn khuôn

vàng thước ngọc” của họ sau đây: “Nói  
láo, cứ nói lập đi lập lại riết rồi tụi nó cũng  
tin là sự thật!” Song song với “Nói Láo”,

các tổ sư cộng sản luôn luôn dùng mỹ từ để “ngụy  
trang” một cách “trí trá” cái “Nói Láo”. Ví dụ như

ở Liên Xô có tờ báo mang tên “Sự Thật” của nhà nước trong  
đó không thấy một... sự thật nào hết. Và ví dụ như ở Việt Nam  
XHCN, tờ báo “Nhân Dân” của đảng và nhà nước có để một  
tên “nhân dân” nào... lẩn tay trên đó đâu?

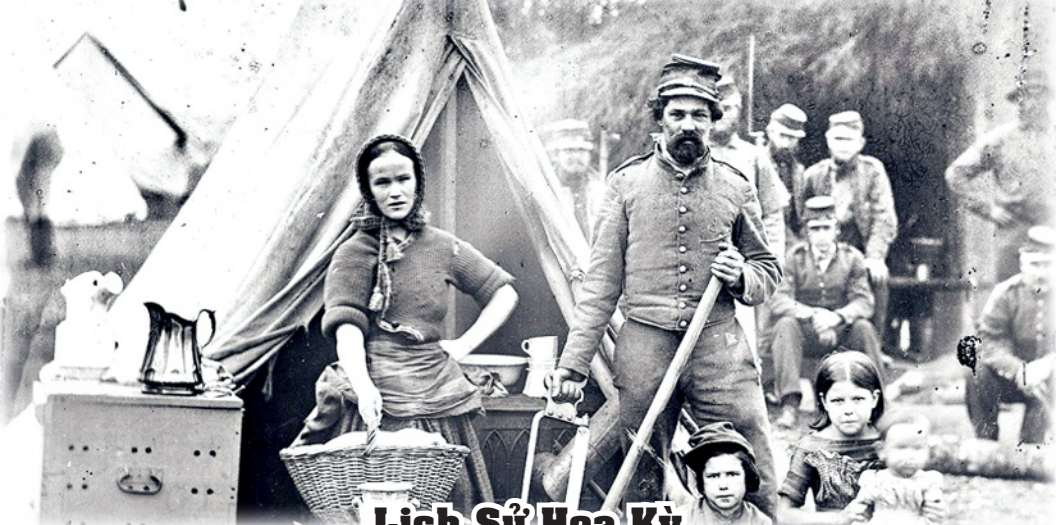
Gần đây, ở VN, dân chúng đi biểu tình chống Tàu rần rần,  
hình ảnh được phổ biến đầy trên mạng, vậy mà Thông Tấn Xã  
CSVN thông tin gọn bần: “Đâu có gì! Chỉ có vài người dừng  
lại nhìn rồi đi. Truyền thông nước ngoài nói láo đấy!” Đùng  
cười! “Ta” ca đúng bài bản mà!

Và cũng gần đây, trong tuần lễ “Biển và Hải Đảo Việt  
Nam” tổ chức ở Nha Trang, thằng cha thủ tướng VNCS tuyên  
bố... ngon lành: “Tiếp tục khẳng định chủ quyền không thể  
tranh cãi của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và  
Trường Sa!” Cũng đùng cười! Thằng chả nói “ngghiêm túc”  
như vậy đó! Nói như là chưa có chuyện gì xảy ra hể! Nói như



là “ta” đang... anh hùng giữ nguyên bờ cõi! Trong lúc ai ai cũng biết là thằng “đồng chí Trung Quốc anh em” của thằng chả đã ngang nhiên chiếm đóng hai quần đảo đó từ khuya! Thằng cha thủ tướng “khăng định” một cách láo lếu như vậy là đúng bài bản đây thôi! Đã nói: họ thuộc lòng bài bản như cháo và vì sử dụng liên tục đến nổi trở thành tật, nên khi họ mở miệng là cứ phải... nói láo! Không có gì ngạc nhiên hết!





## Lịch Sử Hoa Kỳ Phụ Nữ Trong Chiến Tranh

*BDQ Nguyễn Chánh Dật sưu tầm.*

**T**rong cuộc nội chiến Hoa Kỳ, cả 2 miền Nam và Bắc không cho phép phụ nữ đầu quân vào các đơn vị tác chiến. Theo tài liệu ước tính, có khoảng 400 cho đến 1,000 phụ nữ đã thành công trong việc ngụy tạo để được nhập ngũ. Có người đã hy sinh từ lúc còn đang trẻ. Họ đã làm mọi hình thức như cắt tóc ngắn, đổi họ tên, tập dáng điệu đi đứng, buộc chặt ngực để không thấy vú (bound their breasts). Tùy theo mỗi người, họ làm như vậy để thoả mãn tính năng động; muốn chiến đấu cùng chồng, con, anh em, hoặc người yêu. Sau đây là những người đã ghi nhận được:

1. Trong trận đánh Antietam ở Maryland vào ngày 17-9-1862, có ít nhất 4 phụ nữ tham dự.

2. Sara Emma Edmond, một thiếu nữ Canada có biệt danh Franklin Thompson, đã đầu quân vào 2nd Michigan Infantry vào tháng 5-1861. Trung đoàn của cô đã tham dự chiến dịch Peninsula và các trận đánh First Manassas, Fredericksburg, và Antietam. Năm 1863. Cô, bị bệnh sốt rét, e ngại bị lộ giới

tính nên đã đào ngũ.

3. Mary và Molly Bell được báo chí Richmond tường thuật và đã được ca ngợi vì họ đã gia nhập vào đoàn kỵ binh miền Nam, dưới quyền chỉ huy của Tướng Jubal A. Early. Họ phục vụ được 2 năm thì bị phát giác.

4. Tháng 12-1864, nhật báo Sandusky, Ohio đăng tin một sĩ quan miền Nam bị nhốt ở nhà tù Johnson's Island. Lake Erie đã hạ sinh một trẻ sơ sinh.

5. Trận đánh Chickamauga, từ 19 đến 21-9-1863 được xem là đẫm máu, chỉ kéo dài 2 ngày mà miền Bắc thiệt hại 16.000 và miền Nam thiệt hại 18.500 người. Trong số tử thi miền Bắc để lại, người ta khám phá ra một thiếu nữ. Cô này đã giả trang là trai và chiến đấu trong quân đội miền Bắc.

6. Các phụ nữ thỉnh thoảng được đến đơn vị hành quân để thăm chồng, hoặc tình nguyện làm y tá để được gần chồng thường xuyên xảy ra trong quân đội miền Bắc, cũng như miền Nam. Khi R. S. Brownell đầu quân vào đơn vị First Rhode Island tham dự trận đánh First Bull Run, cô đã được Đại Tá Ambrose Burnside ca ngợi và phong tặng cho cô biệt danh "Child of the Regiment". Khi hai bên giao tranh, cô đã cứu giúp thương binh. Khi người cầm cờ bị thương, cô đã thay thế và bị thương. Mặc dầu như vậy, cô vẫn giữ vững lá cờ. Có rất nhiều phụ nữ, mặc dầu không cải trang để đầu quân nhưng họ cũng đã chọn một ngành rất nguy hiểm để phục vụ. Đó là vai trò gián điệp.

1. Mary Elizabeth Bowser sinh năm 1839 tại Richmond, con của một gia đình nô lệ mà chủ nhân là một gia đình gia trắng có thể lực, John Van Lew. Năm 1843, khi ông này qua đời thì vợ con của ông đã trả tự do cho tất cả nô lệ một thời là sở hữu. Khi ấy Mary còn nhỏ. Gia đình ông Lew còn bỏ một số tiền mua các nô lệ từ các gia đình khác và trả tự do cho họ luôn. Gia đình cô đã tình nguyện ở lại phục vụ cho chủ cũ suốt thập niên 1850. Nhận thấy Mary sáng dạ, bà chủ đã gửi

cô đi đi học tại trường dành cho người da đen thuộc giáo phái Quaker ở Philadelphia. Sau khi tốt nghiệp, cô đã kết hôn với Wilson Bowser vào ngày 16-4-1861. Nhận xét Mary thông minh, bà Van Lew đã giúp cô trở thành gián điệp cho miền Bắc bằng cách xâm nhập vào cơ quan miền Nam để thu thập tin tức. Qua sự giúp đỡ của một người bạn, cô đã được gài vào giúp việc cho gia đình Tổng Thống miền Nam tại Richmond.



*Pualine Cusman*

Là người có trình độ và trí nhớ tốt, những thứ gì cô thấy và đọc được trên bàn giấy của Tổng Thống, cô có thể lập lại từng chữ khi chuyển tin tức ra ngoài. Tổng Thống Jefferson Davis biết tin tức bị tiết lộ ra ngoài nhưng không một mảy may nghi ngờ cô. Âm mưu cuối cùng của cô là đốt cháy toà Bạch Ốc Richmond nhưng việc không thành. Khi miền Bắc chiến thắng, họ đã cho thiêu huỷ mọi tài liệu có liên quan đến những người trước đó đã làm gián điệp cho miền Bắc.

2. Có nhiều phụ nữ làm gián điệp cho miền Nam, một trong những người nổi tiếng đó là Antonia Ford. Cô sinh ngày 23-7-1838 tại Fairfax, Virginia trong một gia đình thương gia giàu. Khi chiến tranh bùng nổ, anh cô là Charles Ford phục vụ trong một đơn vị kỵ binh của Tướng Stuart, do đó cô có dịp làm quen với vị tướng này và đã tình nguyện làm gián điệp cho ông. Theo nhiều tài liệu cho biết, với vẻ đẹp duyên dáng, cô đã dùng nó như vốn trời cho để làm gián điệp cho miền Nam.

Ngày 7-10-1861, Tướng J. E. B Stuart đã tuyên dương công trạng của cô và thăng cô thành sĩ quan. Một trong những đóng góp quan trọng là cô đã dùng sắc đẹp của mình quyến rũ, làm say mê các sĩ quan miền Bắc, sau đó thu thập tài liệu



mật. Việc làm này đã giúp cuộc đột kích bằng kỵ binh do Đại Tá Mosby chỉ huy, vào lúc 2:00 giờ sáng ngày 9-3-1863 thành công. Cô bị khám phá và bị nhốt vào nhà tù Old Capital ở Washington, DC. Một thời gian ngắn sau đó, nhờ sự vận động của Thiếu Tá Joseph Willard, cũng là người bắt cô trước đây, cô đã được phóng thích. Sau đó, cô đã bằng lòng kết hôn với ông ngày 10-3-1864. Cô đã qua đời tại Washington, DC vào ngày 14-2-1871.

3. Maria Isabella Boyd sinh ngày 9-5-1844 tại Martinsburg, nay thuộc Virginia. Năm 12 tuổi cô theo học trung học ở Baltimore, Maryland. Sau khi tốt nghiệp, cô sống tại Washington, DC cho đến cuối năm 1861. Tháng 4-1861, Virginia tách rời

chính phủ Liên Bang thì cha cô tình nguyện đầu quân vào đơn vị 2nd Virginia Infantry, dưới quyền chỉ huy của Tướng Thomas Jackson. Vào dịp này, cô rời thủ đô trở về quê hành nghề y tá và có xu hướng thiên về miền Nam.



Ngày 3 tháng 7 trước lễ Độc Lập, một binh sĩ Liên Bang muốn căng biểu ngữ chào mừng trước nhà của cô. Gia đình của cô không bằng lòng đưa đến việc 2 bên gây sự với nhau. Người lính này đã nhục mạ mẹ cô. Cô phản ứng bằng cách giết viên binh sĩ. Biến cố này đã thúc đẩy cô hoạt động tích cực cho miền Nam. Tháng 10-1861, cô bắt đầu chuyên tin tức qua lại giữa 2 tướng Thomas và P. G. T. Beauregard. Bị an ninh Liên Bang theo dõi, cô bị bắt vào tháng 7-1862. Khi đang thụ hình ở nhà tù Old Capital, người cai tù tỏ tình với cô

và cô đồng ý. Nhờ thế, cô được đưa vào danh sách trao đổi tù binh và được đưa về Richmond, Ngày 10-10-1863, cô mang nhiều tài liệu mật qua Anh và bị chặn bắt ngoài khơi. Ngày 25-8-1864, cô kết hôn với viên sĩ quan Hải Quân Samuel W. Hardinge, người đã bắt cô. Cô chết vì bệnh tim vào ngày 11-6-1900.

4. Sáng ngày 1-9-1864, một binh sĩ miền Nam, trong lúc dạo chơi trên bãi biển gần Wilmington, North Carolina, tình cờ thấy tử thi của một phụ nữ nằm trên bãi cát. Vai tử thi đeo một túi xách, trong đó chứa những đồng tiền vàng óng ánh trị giá 2,000\$. Anh ta lấy số tiền này, rồi đẩy xác chết xuống biển cho trôi dạt đi nơi khác. Chẳng bao lâu tử thi trôi đến một địa điểm mới. Nhờ thế lý lịch người chết được xác nhận.

Đó là điệp viên có hạng của miền Nam, cô Rose O'Neal Greenhow, trên đường từ Anh về Hoa Kỳ, tàu của cô bị mắc cạn ngoài khơi Cape Fear. Thời gian này, bờ biển miền Đông bị Hải Quân Liên Bang phong tỏa. Sợ bị tàu miền Bắc đến khám và bị bắt nên cô đã dùng xuồng nhỏ có tay chèo để bơi vào bờ, nhưng xuồng bị chìm khiến cô chết đuối và bị sóng đánh bật vào bờ. Người binh sĩ miền Nam, yêu nước đã lấy túi tiền của cô, khi biết được câu chuyện đã quá cảm động và vô cùng ân hận về việc mình làm. Anh ta đã đến cơ quan chính quyền để trả lại túi tiền. Anh đã cùng đám đông đưa tiễn cô đến nơi an nghỉ cuối cùng. Cô được chôn tại nghĩa trang Wilmington, North Carolina./.





## Từ một bài hát cũ.

*Trần Nguyên Công*

Anh em,

Hôm nay thứ sáu, tao ngồi vào bàn viết, lòng rất lạ.

**B**uổi chiều xuống thật mau, làm như mùa hè sắp chia tay với Virginia. Những giải nắng vàng óng xuyên qua cánh rừng sau nhà, trải dài trên mặt thảm của căn phòng khách tĩnh lặng. Bức tượng thiếu nữ Việt Nam màu nâu sẫm, đón lấy dòng ánh sáng cuối ngày, sáng lên như hoài niệm quê cha đất tổ.

Nghe lại bài hát cũ, ...” nghĩ đến một điều, em không dám nghĩ...” bất giác cảm động. Lời bài hát làm những nhung nhớ tràn về như sóng biển. Chiều Trên Phá Tam Giang là bài hát của những người yêu nhau trong thời chinh chiến. Bài này gợi nhớ đến bài thơ khác, đồng thời gợi nhớ đến một hình ảnh đã rất xa, rất lâu trong tâm tưởng. “Nhưng không chết người trai khói lửa, mà chết người em nhỏ hậu phương.”

Chiều xuống ngoài sau nhà. Những tia nắng giờ đã mong manh, nhạt nhoà. Màu của cánh rừng đã sẫm hơn, trong khi mặt trời đang chìm sâu xuống chân đồi. Giọng người ca sĩ không đặc biệt lắm nhưng cách diễn tả nhập hồn. Cái không gian nhỏ, tĩnh lặng, cô độc làm mọi cái như ngừng lại rồi thốt nhiên mọi thứ quay nhanh về những ngày tháng cũ. Phá Tam Giang của Huế ngày thơ ấu. Căn nhà giữa những tàng cây nhãn lồng. Cái thềm nhà thật cao. Những bậc thềm có nơi đã vỡ lớp xi măng, để lộ màu đỏ của gạch nung. Nền nhà mát lạnh, những cây cột gỗ tròn, to, đen nhánh. Phía sau nhà, mãi

sau những tàng cây ăn trái, thấp xuống dưới, là con sông của thời thơ ấu. Từ thành phố Huế về, phải qua cái cầu đúc nhỏ, theo con đường cái đi giữa những căn nhà trồng thật nhiều cây. Những tàng cây trông như cái vòm xanh của lá. Không biết do đâu, phía sau căn nhà mới dọn vào ở Virginia này, mỗi chiều xuống, không gian man mác hình ảnh căn nhà Huế của thuở xa xưa.

Những hình ảnh tiếp nối bằng thành phố Đà Nẵng, bằng ngôi trường trong nhà thờ lớn. Trường tiểu học, trong sân nhà thờ có mấy cây me già thật to. Những lần tan học, các chú học trò nho nhỏ chạy lăng xăng nhặt những trái me rụng trên sân đất.

Nhớ mãi căn nhà mát trên bãi biển Mỹ Khê. Thời đó, căn nhà đứng một mình trên bãi cát mịn, lộng gió. Mỗi chiều, tập bơi, đuổi bắt những đợt sóng. Chờ trời tối hẳn, thấp đèn măng xông, làm bầy bắt những con còng trắng muốt. Đó là những năm tháng trước 1960, những năm tháng yên bình của miền Nam Việt Nam tự do.

Anh em, tao thích giữ mãi những khúc phim thời thơ ấu êm đềm, nên nếu nói như nhà văn Trần Hồng Châu thì tao có nhiều “Thành Phố Trong Hồi Tưởng”.

Thành phố Huế, thành phố Đà Nẵng, thủ đô Sài Gòn, Nha Trang, Pleiku, Kontum, Quy Nhơn, Ban Mê Thuột, Quảng Đức. Đó là những nơi chốn của kỷ niệm, những nơi chốn của “một thời để yêu và một thời để chết\*”

Virginia, chiều ở đây xa quê hương thơ ấu quá. Những thăng trầm của dòng đời cũng đã mang tao đi quá xa những kỷ niệm. Những ngày gần đây, người ta nói nhiều về Nghĩa Trang Quân Đội Biên Hoà, nơi mà tao đã có thời đưa người yêu vào đó để chỉ cho nàng nơi chốn tao mong muốn được yên giấc ngàn thu. Bây giờ thì tao không còn được đặc ân đó nữa. Nghĩa trang đã mất vào tay quân thù. Nghĩa Trang Quân Đội Biên Hoà cũng là một “thành phố trong hồi tưởng”.

Trời đã tối mịt mừng ngoài kia. Cái lưng bị chấn thương bắt đầu đau râm râm. Không ngồi lâu hơn được nữa. Tao ngừng ở đây. Ngày mai, ngày kia, hay lúc nào tâm hồn bị cuốn về quê hương mờ mịt chân mây, kỷ niệm ngập tràn trên mắt, thì tao sẽ viết tiếp cho anh em đọc chơi. Đọc chơi thôi chứ chẳng để làm gì. Làm người lính còn không xong, làm gì được nữa.

Anh em,

Sáng nay, trời sáng rực rỡ. Chắc tại đêm qua, một trận mưa như thác đổ phủ xuống thành phố. Ra phía sau nhà, nhìn vào rừng cây, nhìn lên bầu trời mênh mông, tao nhớ tới hai người trẻ tuổi Việt Nam, Phương Uyên và Nguyễn Kha. Hai, ba tháng trước, có thằng 9b ở Texas nhắc anh em, “Mình cầu nguyện nhiều rồi, bây giờ mình cần có hành động.” Và 9b đã hành động. Tao cảm động khi anh em đồng lòng góp nhau làm một hành động. Dù quá bé nhỏ nhưng chúng mình đã hành động. Chúng mình sẽ đi đến cùng con đường đẹp đẽ đã chọn. Chúng mình sẽ là những người đồng hành không mệt mỏi.

Tao nghĩ, mỗi một 9b đều có tuổi thơ êm ái, nhưng tao không nhìn ra tuổi thơ của Phương Uyên, tuổi thơ của Nguyễn Kha. Không biết hai người có thành phố nào là “Thành Phố Trong Hồi Tưởng”? Tao chỉ nhìn thấy họ giống như những người lính tình nguyện, can trường, bất khuất. Họ làm tao nhớ đến những người lính viễn thám xưa kia, những người lính đi đơn độc vào đất địch. Những người lính viễn thám còn có nhiều hy vọng quay về, nhưng những người Việt Nam trẻ tuổi hôm nay thì khác. Những công dân Việt Nam trẻ tuổi và tự trọng, ngày nay, đã đứng lên như những người lính mới tinh khôi của đất nước Việt Nam tự do. Họ chấp nhận mọi nghịch cảnh, mà nói như anh thư Lê Thị Công Nhân thì tù đầy chưa phải là nghịch cảnh xấu nhất. Đối mặt với đảng CSVN, đứng thẳng lên như một CON NGƯỜI đã là một trọng tội, vì đảng CSVN chỉ muốn người dân làm nô lệ cho chúng.

Anh em thử nhớ lại hình ảnh những người dân, người lính đến từ miền Bắc khi miền Nam Việt Nam tự do thất trận. Ngu ngơ, lơ láo, thêm khát đủ mọi thứ. Từ cái bàn ủi, cái quạt máy để bàn, cái bàn máy may, tủ đựng chén bát, cái ly, cái tách trà, cái bình đựng nước sôi. Những người vào năm 1975 còn chưa biết đến những cánh cửa bằng kính, còn sững sờ nhìn cái máy ép nước mía ở những xe bán nước mía trên lề đường miền Nam. Những người suốt cả cuộc đời chỉ mơ tưởng đến đồng hồ đeo tay, cái xe đạp, cái radio xài pin.

Thử nhớ lại hình ảnh từng đoàn xe tải từ miền Nam được “bên thắng cuộc” chuyển ra miền Bắc, trên xe chất tràn đầy những bàn ghế, tủ giường và những đồ dùng trong gia đình. Những đoàn xe này trở về miền Bắc CS như những chuyến xe chở chiến lợi phẩm mà ai ai sống dưới chế độ CS ngoài Bắc cũng mong đợi.

Nhớ lại những hình ảnh đó để hiểu cái bản chất của chế độ CS. Nhớ lại những hình ảnh đó để cảm thông cho con người phải chịu áp bức dưới gông cùm CS. Nghèo nàn, u ám vô cùng.

Nhớ lại những hình ảnh đó để hiểu bản chất cuộc chiến mà đảng CSVN đã đẩy lên ở Việt Nam chỉ là một cuộc xâm lăng của kẻ cướp.

Nhớ lại những hình ảnh đó để ngưỡng mộ những con người đích thực, những thanh niên thiếu nữ Việt Nam ngày nay đang đồng loạt lên tiếng đòi nhân quyền, cho chính họ và cho cả dân tộc Việt Nam. Những người trẻ tuổi này xứng đáng với lòng kiêu hãnh của một dân tộc Việt Nam bất khuất.

Anh em,

Hôm nay, như hoài niệm, tao xin anh em nhớ lại hình ảnh những chiếc xe tải chở đầy sách báo, văn hoá phẩm miền Nam bị chở đi thiêu hủy.

“Bên thắng cuộc” - đến từ miền Bắc - đã mở chiến dịch đốt sách, cố tình tiêu hủy nền văn hoá của dân tộc nước Việt Nam

Công Hoà. (Bọn chúng đã thất bại trong tham vọng này). Bọn lãnh đạo VC hèn nhát tự hiểu, nếu đề dân chúng miền Bắc CS của chúng nó tiếp xúc với nền văn hoá của nước VNCH, người dân đất Bắc sẽ (tự nhiên) tự nhìn thấy họ đã bị đảng CSVN tròng vào cổ cái chủ nghĩa CS bất nhân, kéo họ vào con đường u mê, tăm tối, nghèo đói và oán thù. CS biến họ thành giống dân ngu dốt tham lam, vô văn hoá.

Do vậy, chúng muốn triệt hạ nền văn hoá Việt Nam Cộng Hoà. Những “thằng chó đê” (chữ của ông Bùi Bảo Trúc gọi bọn lãnh đạo VC) muốn bắt người dân nước Việt Nam Cộng Hoà phải thấp kém như dân miền Bắc CS của chúng. Do đó, chúng đốt hết văn hoá phẩm, chữ nghĩa miền Nam. Chúng nó muốn người phụ nữ nước Việt Nam Cộng Hoà phải xấu xí, thô kệch. Dân do chúng cai trị nên chúng không cho phụ nữ miền Nam mặc áo dài, áo hoa, không cho phụ nữ trang điểm, không cho dùng phấn son (là những thứ mà phụ nữ miền Bắc thềm thường suốt đời).

Chúng bắt đàn ông thanh niên miền Nam phải mặc áo ngắn tay, mặc áo phải bỏ ngoài quần, chân phải đi dép, không được mang giày. Phải tầm thường, khó coi như bọn cán bộ CS Bắc Việt. Chúng nó đã không thực hiện được điều đó.

Người dân miền Bắc, cho dầu đã phải sống dưới chế độ CS nhiều năm, nhưng khi được tiếp xúc với cách sống của người dân miền Nam, được tiếp xúc với cái đạo lý của người dân miền Nam, họ đã dần dà học được ở dân chúng nước Việt Nam Cộng Hoà cách ăn, cách uống, cách mặc, cách trang điểm, cách đi đứng, nói năng. Ngay lúc này đây, người dân cả nước Việt Nam đã biết thôi không sợ hãi nữa, đã biết phản kháng, biết đi biểu tình.

Bọn lãnh đạo CS ngu dốt không học được điều mà người xưa, từ thời đế quốc La Mã, đã nói,

**“Người ta có thể tiêu hủy kho tàng, thư viện, sách báo nhưng người ta không thể tiêu hủy được nền văn hoá.”**

Cộng sản xâm lăng miền Nam Việt Nam, nhưng nền văn hoá dân tộc của Việt Nam Cộng Hoà quá cao, quá xa so với cái mà chúng nó gọi là văn hoá XHCN miền Bắc. Do vậy, về sau này, sách báo và các văn hoá phẩm của VNCH trở thành quý giá. Những thứ này vào những năm 1985 đã bắt đầu được đặt ở những vị trí rất sáng trong nhà của các chú VC gộc. Bọn Cộng gộc tìm tòi, săn lùng, mang về nhà... chung trong tủ. (Chỉ chung thôi, chúng nó không có thói quen đọc sách. Chúng nó không biết đọc sách). Chung sách báo Việt Nam Cộng Hoà trong nhà để ra cái điều ta đây biết giá trị của những cuốn sách này, vì ta là cán bộ có văn hoá. (Giống như mấy thằng chỉ uống trà, nhưng chung trong tủ toàn rượu quý, và khoá cái tủ bằng mấy ống khoá rở to). Bọn CS gộc còn làm bộ chơi thân với mấy nghệ sĩ miền NAM để loè thiên hạ là ta đây có khả năng thưởng ngoạn văn học. Chơi thân với giới văn nghệ miền Nam là một cách trang điểm cho cuộc đời xấu xa ngu dốt và cái bề ngoài khó coi của các cán bộ VC.

Anh em,

Hôm nay, giữa một xã hội u tối, khiếp nhược lâu ngày như thế mà vẫn còn có những con người bất khuất như Phương Uyên, như Nguyễn Kha, thì quả tình đây là những viên ngọc trai trong lòng biển, những viên kim cương trong đá.

Thế hệ trẻ tuổi Việt Nam hôm nay, những hạt giống DÂN CHỦ của xứ sở sẽ trưởng thành, sẽ có ngày đơm hoa kết trái, dân tộc Việt Nam sẽ tìm lại được chính mình, sẽ thoát ly khỏi cái chủ nghĩa CS lạc hậu, mờ ám, phi nhân. Và tuổi thơ Việt Nam sẽ nếm được hương vị của “giòng sông thời thơ ấu”. Tuổi thơ Việt Nam sẽ có nhiều những “thành phố trong hời tưởng”.

Không chỉ cầu nguyện xuống, con người mưu cầu hạnh phúc cho mình và cho dân tộc mình cần có hành động./.



# Mắt Tích!

Lê Anh Dũng

Có những chiều ta ngồi nghe em hát  
Có những chiều ta ngồi ngắm em đan  
Dư hương ngày cũ giờ đã phai tàn  
Mắt em thảng tư thiên đường sụp nát

*Con Lộ 7 khi tinh cầu rụng xác,  
Đoàn hùng binh bỗng biến mất sau rừng.  
Tiếng pháo rền rầm rập bước chân chen  
Em mắt hút trong dòng người xoáy dốc!*

Ta bới đào tìm em mòn khô khóc,  
Kiếp lưu đày qua các trại tù xa  
Nào Z30 rồi chuyển đến Hồng Ca  
Hoàng Liên Sơn, Tháp Bà, Vĩnh Phú!

*Bóng dáng em theo anh mòn phố cũ,  
Linh hồn em vẫn tồn tại quan hà.  
Sốt rét rừng Suối Lệ Ngọc đường xa,  
Anh cứ nhớ hồn run lên lạnh lẽo.*

Năm tháng tha hương tuôn trào khắp nẻo,  
Anh vẫn hoài tưởng nhớ bóng dáng em  
Ba mươi tháng tư như vẫn chưa quên,  
Ngày đất mẹ và em cùng mắt tích!







# LONG PHÚ

*Hoàng Đức*

*“Không ai tắm hai lần trên một dòng sông.”*

Tôi không nhớ nguyên văn câu triết lý này, không biết triết gia Đông, Tây nào ngôn như thế. Chỉ nhớ chắc chắn là tôi “học” được câu này từ một vị giáo sư từng một thời là “hung thần” của Đại học Văn khoa Huế. Dù ông có dáng người nho nhã, trắng trẻo, với đôi kính trắng gọng vàng, nhưng chẳng bao giờ chúng tôi thấy trên môi mỏng dính hé nở một nụ cười cho sân trường Đại học nở hoa.

Câu “Không ai tắm hai lần trên một dòng sông” dù bao hàm ý nghĩa triết lý cao siêu nào đi chăng nữa cũng mang ý hướng trần tục. Suy nghĩ nông cạn như thế nên tôi không chấp nhận ý tưởng này vì tôi đã tắm biết bao lần trên dòng sông Hương yêu mến của quê hương tôi, cũng như cách đây hơn hai thập niên, tôi cũng đã hai lần gần như chìm đắm trên đoạn cuối của dòng sông mở ra cửa biển Đại Ngãi vùng huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Mấy triết gia chỉ giỏi phát ngôn lung tung, khùng khùng, điên điên khiến lũ học trò chúng tôi điên đầu vì chẳng hiểu mấy ông muốn nói gì. Khi làm quen với bộ môn triết học ở năm cuối cùng chương trình trung học, chúng tôi đã gặp những giáo sư Triết dờ dờ, ương ương. Ông nào cũng bất bình thường trong ngôn từ, trong hành động, trong phong cách.

Nghĩ lại và nhớ lại cũng lắm điều thích thú! Giáo sư Triết của chúng tôi, một ông Tây cao, to, đẹp trai, đầu tóc húi cua, giống các sinh viên Võ Bị Đà Lạt. Không biết vì ông ta nghèo không đủ tiền sắm xe hơi như các giáo sư khác hay tại ông ta “Triết gia” nên lập dị, ưa làm chuyện khác đời, ông ta đến trường bằng chiếc Lambretta kiểu thể thao, máy nổ rền vang sân trường. Thằng con ông ta không bao giờ được bố chở trên xe mà suốt năm học phải đi kè xe bạn bè cùng lớp. Nhưng hẳn không phải lúc nào cũng được bạn bè đèo trên xe gắn máy mà có lúc phải cong lưng đạp phụ xe đạp với thằng bạn nghèo trong lúc ông bố ra khỏi trường là rú ga cho xe Lambretta chạy xuống đồi trước Nha Địa Dư thành phố hoa đào. (Ngậm ngùi khi được tin Nha Địa Dư vừa bị cháy tiêu 1/3 toà nhà xây bằng đá!) Tôi còn nhớ như in phong cách “triết” của giáo sư Pujos.

Một hôm, thằng bạn tôi ngủ gục trong giờ Triết lý của ông ta. Giáo sư cầm tấm bọt biển lau bảng đen, ngắm nghía thật kỹ và quăng ngay vào đầu thằng học trò ngủ gục. Thằng bạn tôi giật mình tỉnh ngủ, ngơ ngác nhìn Thầy và triết gia sư phụ đã nghiêng mình kính cẩn chào xin lỗi vì đã phá giấc ngủ của đệ tử trong tiếng reo hò tán thưởng của lũ học trò chúng tôi. Đây, triết lý và triết gia!

Riêng tôi, vượt biên không thành công, hai lần ra cửa biển Đại Ngãi, một lần bị công an biên phòng bắt, giam tại nhà tù huyện Long Phú. Một lần khác “cá lớn” mắc cạn tại cửa biển, tôi đã trở tài “bơi lội Marathon” trốn về chợ Long Phú.

Hai lần tắm trên một giòng sông, thật rõ ràng và chính xác. Ai không tin thì về trại giam huyện Long Phú tỉnh Sóc Trăng, mở “computer” của trại xem thử có ai tên Nguyễn Văn Hai bị giam năm 1982, năm tranh giải bóng tròn thế giới tại Tây Ban Nha, thì can nhân đó chính là người viết. Nói cú như thật! Việt Cộng lúc đó mà có hồ sơ phạm nhân can tội vượt biên giữ lại trong “computer” thì đất nước ta đã khá hơn bây giờ nhiều rồi.

Chuyện tôi ở tù lần thứ nhất tại Long Phú, nhớ lại, tôi vẫn

còn ê răng:

Đề chuẩn bị vượt biên, tôi đã đi rao khắp khu chợ trời bán sách báo thời xưa ở đường Bùi Quang Chiêu tại Sài Gòn, cố tìm mua cho bằng được cuốn truyện Papillon để xem tường thuật mấy pha vượt ngục của anh chàng này, vì tôi không được xem cuốn phim này! Chưa vượt biên đã tính chuyện vượt ngục! Đúng là cái số của tôi là số con rệp! Tàu cá lớn của tổ chức đã mắc cạn ở cửa biển Đại Ngãi và chúng tôi đã bị tóm gọn về một trại giam thuộc tỉnh Sóc Trăng. Đây là lần vượt biên thứ hai bị thất bại sau lần bị tù ở huyện Trà Ôn. Tôi đã có ý định vượt ngục, thật ra thì vượt trại, chứ nơi giam giữ chúng tôi không phải là một ngục tù đúng nghĩa. Mấy anh bò vàng quản lý trại giam rất chịu chơi! Tối nào, lúc bắt đầu lên đèn, đèn điện hắt hoi, là loa phóng thanh cũng hét lên:

“Văn nghệ!”

Thế là 3 phòng giam các can nhân đủ mọi thành phần gồm hình sự, chính trị, tệ đoan xã hội, dĩ điểm, và tù vượt biên đều thi đua trình diễn văn nghệ. Tha hồ ca hát nhạc vàng, nhạc xanh, vì mấy anh bò vàng chê nhạc đỏ! Thành phần nghệ sĩ trình diễn đa số là các sinh viên, học sinh vượt biên thất bại. May mắn cho trại giam là trong phòng giam nữ can nhân, có một ca sĩ thứ thiệt của đài phát thanh Sóc Trăng. Tôi còn nhớ tên cô ta là Hồng, không biết tên nghệ sĩ là gì, người xinh xắn, đẹp, duyên dáng và giọng ca khá truyền cảm.

Chắc quý vị muốn hỏi, tôi ở trong tù làm sao biết được dung nhan của cô ca sĩ. Số là: mỗi buổi chiều, tù nhân từng phòng được ra khỏi phòng giam, đứng sắp hàng trước cửa phòng để công an trại giam dẫn đi tắm ở một cái ao sau trại giam. Do đó mà mỗi lần các nữ tù nhân đứng sắp hàng là tù nhân, các phòng khác, chen nhau đứng ở cửa phòng giam để ngắm mấy cô và nhao nhao hỏi tên các cô. Cô Hồng vừa ca tân nhạc, vừa cổ nhạc. Tội nghiệp cho cô, tối nào cũng phải hát liên tu, liên tòn (Chữ của cố thi sĩ Bùi Giáng) Dù không còn

lòng dạ nào thường thức văn nghệ, đầu óc lúc nào cũng tính chuyện vượt trại nhưng phải thú thật rằng mục văn nghệ mỗi đêm này cũng giúp tôi những phút giây thoải mái tinh thần.

Bằng những bữa ăn ngon nhờ được thăm nuôi đầy đủ, tôi mon men làm quen và hỏi lộ những tù nhân địa phương, hỏi xem từ trước đến nay có ai vượt trại thành công không và nếu thất bại thì phải chịu những hình phạt như thế nào. Tôi được biết là có người đã thành công trong khi được kêu đi lao động bên ngoài trại giam.

Những người bị bắt trở lại thì bị giam vào phòng tối, sau khi đã bị đánh như tử. Phòng tối không có một chút ánh sáng lọt vào, tối như hủ nút. Đồ ăn, thức uống được đút vào một lỗ cống nhỏ chỉ vừa bằng cái chén. Có người ở trong đó đến lúc được thả ra thì đôi mắt như mờ hắt đi, phải một thời gian sau mới sáng trở lại. Có hai phòng tối, liền vách nhau để giam riêng nam nữ. Không có trần nhà nên nếu muốn, thì có thể leo tường sang thăm nhau. Vì thế, đã xảy ra một chuyện buồn cười là có hai tù nhân phòng tối lén lút ân ái đến độ nữ tù nhân mang thai. Họ chỉ biết tên nhau mà không hề thấy mặt nhau. Thế mà vẫn yêu nhau ra rít. Nữ tù nhân mang thai đến ngày chuyển bụng sinh con thì được tha về, còn người yêu của cô thì cho đến lúc tôi vào tù cũng vẫn còn bị giam ở phòng tối. Nghe đâu hai người đều là tù hình sự.

Tôi nghĩ thầm, nếu tôi vượt trại không thành công thì có bị ma đưa lối, quỷ đưa đường khiến vướng vào một mối tình nào thơ mộng trong bóng tối không. Thôi thì một liều ba bảy cũng liều! Nói là liều, chứ tôi nghiên cứu kỹ lưỡng đường đi nước bước, bảo đảm thành công đến 80%. Trước hết, tôi cất kỹ một số tiền trong túi. Ngoại giao, hỏi lộ bằng thực phẩm thăm nuôi cho anh tù nhân trưởng phòng tức là loại tù thâm niên, “tù cha”.

Tôi khai bệnh đau đầu đông, không thể hớt tóc cao, gàn như trọc lóc bình vôi, năn nỉ anh “tù cha” này đừng nắm đầu

tôi ra cho anh thợ hớt tóc cũng là một tù nhân, một tháng hai lần hớt tóc cho bạn tù. Tôi hỏi thăm dò một tù nhân địa phương để biết được địa hình, địa vật của trại giam, như một sự tò mò hỏi chuyện lúc trà dư tửu hậu. Được biết trại giam nằm gần một ngôi chợ. Tại đây, có xe ôm thường xuyên chở người về Sóc Trăng. Đường về tỉnh này là một con hương lộ xấu tàn tệ, ổ gà chằng chịt, nếu một xe ôm khởi hành trước đó 10 phút thì không thể có xe nào đuổi kịp vì xe cộ lưu thông đều cùng một tốc độ như nhau do đường quá xấu. Hơn nữa, theo lời anh bạn tù này cho biết thì một tù vượt biên thoát khỏi trại giam cũng tỉ như một con gà lợt khỏi chuồng, không có giá trị gì mà phải theo đuổi.

Theo tôi suy đoán, bọn công an bắt người vượt biên cũng chẳng báo cáo về cấp tỉnh hay bộ nội vụ vì đây là một món lợi để tụi nó kiếm tiền vì tôi thấy tụi nó tha tù một cách tùy tiện, không theo đúng một thể thức luật pháp nào hết vì can nhân không hề được tuyên án. Bây giờ, chỉ còn chờ ngày được kêu đi ra bên ngoài lao động để tính đường cao chạy xa bay. Tôi đã “đám mồm” anh “tù cha” xin được chỉ định ra lao động khi công an đến kiểm người bắt đi lao động, viện lý do là tôi muốn ra bên ngoài hưởng một chút “nắng đẹp miền Nam” chứ ở trong phòng giam, mặt mày xanh mét bệnh hoạn. Tôi lại còn hứa là sẽ tạt ngang chợ mua quà cho anh ta nữa. Thế là yên chí lớn, chờ ngày được cho đi lao động.

Tôi nhớ, vào một ngày thứ Năm, ban quản trại đến đứng trước cửa các phòng giam và bảo anh “tù cha” trưởng phòng chọn mỗi phòng 5 người để đi lao động tức là đi làm mấy việc lằng nhằng xây cất hay quét dọn cho các cơ quan trong huyện. Ít có can nhân thích đi lao động nên anh tù cha này cũng vờ vịt tìm người để chỉ định và dĩ nhiên anh chọn tôi. Tôi phải làm phụ thợ nề, xây cất một cơ quan, khuôn vôi, cát, gạch, xi măng vv... Tôi đã quan sát cảnh vật xem có đúng như những gì ông bạn tù kể cho tôi không. Thấy y chang như những gì tôi đã học hàm thụ hơn 2 tháng nay, tôi quyết định lần đi lao động

sau sẽ “Zoulou”.

Một tuần sau đó, tôi lại được anh tù cha chỉ định đi lao động. Tôi mang theo tiền, mặc một chiếc quần dài xắn cao quá đầu gối và hăm hờ ra đi. Lại làm phu khuân vác như lần trước! Đến giờ nghỉ trưa, tôi giả vờ nhắm mắt ngủ, rồi he hé mắt nhìn tên công an dẫn chúng tôi đi lao động, xem chừng nó có ngủ hay không. Thấy anh chàng nằm ôm súng, mắt lim dim, tôi rón rén rời thêm nhà, trên tay cầm một mảnh giấy báo, dáng chừng như bị thôi thúc bởi mục khoái lạc thứ tư trên đời, tức là đang bị Tào Tháo đuổi chạy. Tên công an bỗng mở mắt quát:

“Đi đâu?”

Tôi lí nhí, mặt mày nhăn nhó ra cái điều đê sắp vỡ đến nơi rồi, không thể nào không đi tham quan lăng Bác được. Tên công an mặt hầm hầm bảo tôi đi nhanh lên mà về lao động tiếp. Tôi vội vàng ba chân, bốn cẳng chạy ra nhà xí của cơ quan và nhìn quanh, ngó quát xem có ai thấy tôi đang âm mưu thoát cảnh cá chậu chim lồng không, rồi nhảy tót qua hàng rào của cơ quan, để rơi mình vào một khu vườn của dân. Tôi vừa đi, vừa thả ống quần xuống và ngang nhiên, đi băng ngang qua khu vườn và ra trước con lộ lớn, chẳng dám nhìn ngang, nhìn ngửa, xem người trong nhà có thấy tôi hay không, vì vậy tôi cũng không biết lúc bấy giờ có ai ở trong nhà.

Và cứ thế, tôi tà tà ra cái quán cà phê trước chợ, vỗ vào yên xe một chiếc xe thò, bảo tôi cần đi Sóc Trăng. Anh chàng xe thò ngược mắt nhìn lên, rồi lắc đầu. Tôi lại đến một chiếc xe khác, trong bụng đã bắt đầu đánh lô tô vì trong quán cà phê, bò vàng ngồi lổm ngổm. May mắn quá, anh xe thò này nhìn tôi rồi leo lên xe nổ máy. Tôi vội vàng leo lên yên sau, đưa tay ôm lấy eo éch của anh, tình tứ và âu yếm không bút mực nào tả nổi. Tôi chưa từng được ôm eo một cô nàng nào mà chỉ “bị” ôm thôi, nhưng lúc bấy giờ tôi nghĩ là không có cái eo nào thơm và hấp dẫn như eo anh chàng xe thò hôm đó.

Xe thò chở tôi chạy được khoảng chừng 15 phút thì tắt

máy. Tôi thót ruột, lo âu, mặc dầu biết là chẳng có con bò vàng nào rồi công đuổi theo một con gà sút chuồng. Tuy nhiên, tôi cũng cẩn thận bước xuống mương ruộng, nép vào một bụi cây giống như đang làm công tác thủy lợi trong lúc chờ cho anh xe thò thay bougie xe gắn máy. Số tôi vẫn còn quý nhân phò hộ! Xe lại nổ máy và đưa tôi đến chợ Sóc Trăng, bến bờ tự do đầu tiên trong cuộc đời. Ôi, hai chữ tự do quý báu làm sao! Nhớ lại lúc ở trong tù, chiều chiều, thay phiên nhau đứng nhìn qua cái cửa tò vò nhỏ bằng bàn tay, thấy cậu bé chần trâu trên đồng cỏ mênh mông, bát ngát mà thèm nhỏ rải, ước ao được sống tự do thanh bình và ghen với số phận của cậu bé.

Đến chợ Sóc Trăng, tôi lúi ngay vào chợ tìm mua một đôi dép cho giống dân thành thị. Cũng may tù không được mang dép mà dân trong huyện cũng ít người mang dép nên tôi mới không bị lộ tẩy khi đứng đón xe thô.

Màn “vượt ngục” của tôi kết thúc lúc tối ngày hôm đó. Tôi về đến nhà, mang trên tay một con gà mua ở bến bắc Cần Thơ về làm quà cho vợ con. Tôi gõ cửa nhà, vợ tôi nhìn tôi như người về từ cõi mộng. Chẳng bao giờ “cô nàng” có thể ngờ đức ông chồng lại có thể trở về sớm như vậy mà không cần hỏi lộ, lo lót cho công an. Nghe tôi kể chuyện vượt trại, vợ tôi chỉ biết thốt lên ba chữ “Em chạy Thầy” cũng giống như người chủ chốt vượt biên sau này gặp lại tôi, đã mỉm cười bảo: “Anh đúng là Thầy chạy!”

Phen này, để tránh cảnh bị giam tại Long Phú một lần nữa, tôi đã bơi trên biển suốt 6 tiếng đồng hồ. Tôi không phải là lực sĩ bơi lội của Mỹ, như Michael Phelps vì anh bơi nhanh nhưng chưa chắc đã bền dai như tôi. Tôi đã từng bơi lội, hụp lặn bao lần trên Hương Giang lúc thiếu thời nên bây giờ đã đến lúc tôi xử dụng tài bơi lội của tôi để trốn tránh cảnh tù tội. Còn nhớ thời xa xưa tôi đã năn nỉ Mẹ tôi cho tôi theo thằng bạn hướng đạo để ra sông Hương tập bơi lội. Mẹ tôi thương quý thằng con trai đầu lòng, sợ tôi sẩy chân, sẩy tay, theo Hà Bá nên bà nhất quyết không cho tôi đi tắm sông. Tôi đã vận dụng sức



mạnh của nước mát để thuyết phục Mẹ tôi và đã dám cả gan trích dẫn ca dao tục ngữ rằng: “Mẹ có phúc con biết lội, mẹ có tội con biết trôi.” Thế là tôi đã được phép theo bạn ra sông tập bơi lội, sau khi Mẹ tôi đã cho tiền mua một cái ruột bánh xe hơi để tôi làm phao. Tập luyện mấy tháng mùa hè, tôi đã có thể bơi qua, bơi về sông Hương liền một mạch mà không cần bám tay vào chiếc phao.. Ai ngờ lúc tuổi ngoài bốn mươi



tôi lại có dịp dùng tài bơi lội để trốn thoát lao tù.

Đêm đó, sau khi thấp thỏm đợi chờ trong lo âu hãi sợ trên ghe taxi, cuối cùng rời gia đình tôi cũng sung sướng được bước lên tàu cá lớn. Nhưng chẳng may, tàu ra đến cửa biển Đại Ngãi thì vướng phải cồn cát, nằm một đống không di chuyển được, mặc dù thanh niên trên tàu đã nhảy xuống biển ra sức đẩy thuyền đi. Đành chờ lúc

thủy triều lên. Tàu công an biên phòng ra bắt về trại giam vì tàu của chúng tôi không còn đi biển được vì bánh lái đã bị gãy lúc va vào cồn cát. Mọi người đều lo sợ và trông mong được công an ra bắt về giam.

Thật là mâu thuẫn! Ai lại trông chờ được bắt giam bao giờ! Nhưng, tình thế lúc bấy giờ là như thế, vì khi thủy triều dâng cao, tàu không có bánh lái sẽ làm mồi cho sóng biển và không biết sẽ trôi dạt vào bến bờ nào hay lênh đênh trên đại dương bão tố. Thế rồi, khi thủy triều dâng lên, thanh niên trên tàu chúng tôi đã dùng các thùng nhựa đựng dầu, trút dầu xuống biển và dùng các thùng đó như những chiếc phao để gắng sức bơi vào bờ nhấc thấy cây cối xa xa một màu xanh nơi ven rừng. Dân vượt biên trên tàu, một số là người vùng này nên họ cho biết đám rừng cây bên bờ biển là một vùng kinh tế mới

thuộc huyện Long Phú. Tôi suy nghĩ, không thể nào để bị bắt một lần nữa vì lần vượt biên thất bại trước đây cách đây mấy tháng, tôi đã bị giam tại Long Phú như tôi vừa kể lễ đông dài trên đây và tôi đã vượt trại trốn về nhà. Nếu bị lũ công an Long Phú bắt lại thì lòi ra chuyện trốn trại lần trước, chắc tôi bị đánh trả thù mềm xương, tuy chưa chắc tội nó còn nhớ mặt tôi.

Tôi bàn với vợ tôi:

- Em hãy lo cho hai đứa con, anh phải bơi đi trốn.

- Anh già rồi, không đủ sức bơi (bơi biển chứ không phải bơi cạn) đâu!

- Mấy lâu nay, anh vẫn chơi Tennis, sức còn khỏe lắm, không sao đâu.

- Em lo quá, sợ anh không đủ sức bơi như tụi trẻ.

- Bằng mọi giá, anh phải trốn, không thể để bị tù một lần thứ hai tại Long Phú.

Vợ tôi đành gạt nước mắt để cho tôi xuống biển một can dầu trống không, đóng chặt nắp, dùng làm phao để lội vào bờ. Những người trên tàu ai cũng can ngăn tôi vì thấy tôi không còn trẻ (chứ chưa già), sợ tôi không đủ sức bơi vào bờ vì bờ biển còn rất xa, chỉ thấy mờ mờ một dải xanh xanh chứ không thấy rõ là cây cối gì. Tôi đành nhắm mắt thử liều một phen! Ném chiếc thùng nhựa xuống biển, tôi mặc nguyên áo quần vì sợ lạnh, phóng mình xuống nước, đầu chúi xuống, chân xếp lại thẳng đứng theo động tác của lực sĩ bơi lội mà tôi đã tập luyện những “ngày xưa thân ái” tuổi chưa tròn đôi mươi. Tôi biểu diễn một lần cuối cho vợ con tôi xem, tôi thâm nghĩ như vậy.

Vừa bám vào được chiếc phao, vẫy tay chào vợ con, bơi được vài chục thước thì nghe tiếng kêu cứu ới ới ở đằng sau. Nhìn lại thấy một mái tóc dài trôi trên sóng biển, tôi đoán chừng là một cô gái nào đó cũng liều theo chúng tôi bơi vào bờ và chắc suy đi nghĩ lại, cô ta đã chùn bước, muốn bơi trở lại

tàu và theo phản xạ tự nhiên, cô ta đã kêu cứu. Nghĩ thế nên tôi để mặc cho cô ta tự xoay xử chứ không ra tay “anh hùng cứu mỹ nhân” dù lòng cũng đôi chút áy náy vì tâm hồn đã lậm khà sâu vào những chuyện nghĩa hiệp trong truyện chương Tàu. Tôi là người nhảy xuống biển sau cùng nên tôi bơi gần cô gái đang kêu cứu nhất và do đó mà cảm thấy mình có nghĩa vụ cứu cô gái đang lâm nạn. Nhưng sau cùng, tôi đành phải lo tự cứu lấy bản thân.

Hai tay bám vào chiếc can nhựa, tôi chỉ dùng chân đạp để bơi trên sóng nước. Lúc bấy giờ tôi mới cảm thấy sức nóng mặt trời mãnh liệt và quan trọng như thế nào. Mỗi khi mặt trời bị mây che khuất, tôi lạnh quá chừng, hai hàm răng đánh vào nhau lập cập và tôi run như dây đàn, như thần lẩn đút đuôi. Chỉ khi nào mặt trời ló khỏi mây, bấy giờ tôi mới thấy người ấm lên và lợi thoải mái như người dạo chơi bơi biển. Thỉnh thoảng, chân tôi vướng vào những đám rong biển hay những con vật gì nhờn nhớt mềm oặt mà tôi tưởng chừng như những con rắn biển, tôi lại quẫy mạnh đôi chân trong tâm trạng mất bình tĩnh, lo sợ. Bơi mãi mà bển bờ vẫn thấy còn xa títt mù khơi, tôi đâm ra nản chí, chỉ muốn buông xuôi vì thân xác đã mỏi rã rời, chỉ bơi theo bản năng sinh tồn.

Các bạn thanh niên nhảy xuống biển, rời tàu trước tôi, đã thấy rải rác tận đằng xa, tôi lại càng thất vọng thêm lên, chỉ nghĩ đến cảnh ra đi xa vợ xa con, chìm sâu đáy biển, làm mồi cho cá, cho tôm. Tôi đã liên tục cầu xin Tiên Phật. Chẳng biết có phải lời cầu xin của tôi đã động lòng họ hay không mà đột nhiên tôi bỗng thấy xuất hiện trước mắt một chiếc thuyền câu. Tôi vội vàng đạp chân mạnh và nhanh đưa tôi đến đó. Tôi bám vào be thuyền và năn nỉ họ cứu tôi. Hai vợ chồng trẻ, chủ chiếc thuyền câu, nhìn nhau như thăm hỏi ý kiến và gật đầu cho tôi lên thuyền. Người chồng ôn tồn bảo tôi rằng trước khi tôi đến đã có mấy thanh niên đến nhờ họ vớt nhưng họ từ chối vì thấy các thanh niên đang còn đủ sức, vớt lại thuyền họ nhỏ bé không thể chở nhiều người mà qua mắt được lũ công an.

Thật thế, con thuyền quá nhỏ với hai vợ chồng và hai đứa con chưa quá 5 tuổi. Họ bảo tôi cởi áo quần bên ngoài, hong cho khô. Họ mời tôi một bữa cơm ngon chưa bao giờ ngon bằng, cơm trắng với cua luộc vừa mới lưới được.

Tôi được voi còn đòi tiên, thậm ước phải chi bây giờ có được một đĩa tiêu hay ớt bột khô chấm với cua tươi ngọt lịm



***Được bao nhiêu người may mắn như những người này?***

thì ngon biết bao nhiêu. Những thứ gia vị này chắc là loại quý hiếm vì gia đình thợ chài nghèo này chỉ đãi tôi cua luộc chấm muối trắng. Tôi tháo chiếc đồng hồ mang trên tay, tuy thấm nước nhưng vẫn còn chạy tốt và tôi giật mình thấy tôi đã lội rờng rã suốt 6 tiếng đồng hồ trên biển. Tôi trao đồng hồ cho người chủ ghe, ân nhân của tôi với chiếc nhẫn cưới mà tôi đã mang theo phòng khi cần chi phí cho gia đình lúc đến trại tỵ nạn Nam Dương hay Mã Lai và xin hai vợ chồng chủ ghe cho tôi lại một ít tiền mặt để mua vé xe đò về lại Sài Gòn. Hai vợ chồng gom góp được 300 đồng, trao cho tôi để làm lộ phí về nhà. Tôi cảm ơn họ rồi rít và nguyện với lòng chẳng bao giờ quên ơn họ.

Từ dạo đó đến nay, mỗi khi nghĩ đến chuyện vượt biên, tôi lại nghĩ đến gia đình ân nhân của tôi và tôi lại hối hận vì lúc

đó tôi đã không hỏi rõ họ tên của họ, cũng như nơi cư ngụ để sau này đền đáp. Tôi tự an ủi và để tha thứ cho cái sự vong ơn của tôi rằng lúc đó dù tôi có hỏi thì họ cũng giấu không cho tôi biết tông tích vì sợ liên lụy. Sống dưới chế độ CS, không ai dám tin ai! Trên suốt đoạn đường từ nơi họ cứu vớt tôi đến bến chợ Long Phú, họ buộc tôi phải nằm trùm chăn kín mít trong khoang thuyền, sợ công an tra hỏi. Tôi cũng không nghĩ đến chuyện một ngày nào đó sẽ về đây thăm họ để đền ơn họ nên đã không hỏi về những gì liên quan đến họ.

Bây giờ đây, ngồi nghĩ lại mới thấy mình vô ơn. Đành chỉ biết trông chờ vào cơ duyên! Nếu quả thật, theo thuyết nhà Phật, tất cả đều do một chữ duyên thì biết đâu trong kiếp này, một ngày nào đó, trong một cơ duyên hi hữu, tôi có thể gặp lại ân nhân của tôi để đền đáp công ơn họ đã cứu vớt tôi trên biển cả mênh mông, giữ lấy mạng sống của tôi và giúp tôi thoát cảnh lao tù vì sau khi tôi bơi vào bờ thì chiều hôm đó công an huyện Long Phú đã cho thuyền ra hốt hết đám người vượt biên mang về trại giam. Vợ tôi hỏi dò đám thanh niên bơi vào bờ thì tất cả đều bơi được vào bờ, họ bảo rằng thấy một người bơi lạc vào hướng có vũng nước xoáy chắc là đã tiêu đời về thăm Hà Bá rồi. Vợ tôi gần như biết chắc 100 phần 100 người ấy là tôi vì không thấy tôi trong đám người dùng phao lội vào rừng. Vợ tôi đã sống trong nỗi đau khổ tuyệt vọng nghĩ rằng tôi đã vùi thân trên biển cả cho đến lúc nhận được quà thăm nuôi do bà ngoại các cháu gửi vào và nhận ra nét chữ của tôi cùng với chữ ký ghi trên giấy gói quà.

Hai vợ chồng ân nhân của tôi đưa tôi đến bến ghe chợ Long Phú. Lên bờ, tôi cố gắng đóng kịch “tĩnh bơ như người Hà Nội”. Tôi đi như lết đến bên xe, mua vé xe đò về Cần Thơ, rồi từ đây tôi xe khác về Sài Gòn. Tôi gần như không còn biết đôi chân của tôi đang ở đâu, có còn dính vào thân xác của tôi không. Chân tôi mỏi rã rời vì đã phải đạp liên miên 6 tiếng đồng hồ dưới làn sóng biển. Tôi không leo lên xe mà dùng hai tay đu người lên, đôi tay tôi còn khỏe vì chỉ bám vào cái can

nhựa chứ không vẩy vũng như đôi chân. Tôi đến nhà người tổ chức, tin cho ông ta biết thuyền bị nạn mắc cạn ở Đại Ngãi để ông ta đi thăm nuôi các người vượt biên, thân chủ của ông. Tưởng cũng nên viết đôi lời cảm ơn người chủ chột vượt biên này!

Ông ta là một người lương thiện, không có đầu óc con buôn chỉ biết trục lợi, một tấm lòng nhân hậu đáng ngợi khen, ông lo lắng hết lòng cho thân chủ. Chúng tôi chỉ đóng tiền mua “vé” một lần, và ông ta lo cho chúng tôi vượt biên đến lúc nào thành công mới xem là hết nhiệm vụ mà không lấy thêm một đồng xu cắc bạc nào. Cũng nhờ vậy mà tôi theo ông ta đến lần thứ tám để đến được trại tỵ nạn Galang trên đất Nam Dương. Lần thứ tám, tôi tự nguyện đưa tặng ông ta thêm 1 cây vàng gọi là tỏ lòng biết ơn ông ta đã giúp gia đình tôi đến nơi đến chốn không chán nản sau 7 lần thất bại và vào tù ra khám hai lần, một lần ở trại giam huyện Trà Ôn và một lần tại trại tù Long Phú.

Long Phú, cái tên định mạng mà tôi tin rằng đã mang đến cho tôi niềm hạnh phúc lớn, đưa gia đình tôi đến được bến bờ tự do “giàu sang, phú quý” hơn những người nghèo xấu số còn ở lại trên quê hương. Hiểu theo nghĩa nông cạn, giàu sang phú quý là có nhà, có cửa, có xe hơi, có nệm ấm, chăn êm thế thì tôi đang giàu sang phú quý chứ còn gì nữa. Mà xét cho cùng thì người nào vượt biên đến được xứ Cờ Hoa cũng giàu sang, phú quý như tôi và hơn tôi dù họ không ra đi từ cửa biển vùng Long Phú. Tôi luôn nhớ mãi, không bao giờ quên địa danh Long Phú vì nơi đó có ân nhân của tôi, nơi đó tôi còn một món nợ đang canh cánh trong lòng, cũng như nơi đó tôi đã tắm hai lần trên trên cùng giòng sông!